



NGUYỄN THỊ LY KHA



ĐỪNG TỪ VIẾT CÂU

và **SOẠN THẢO
VĂN BẢN**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



NGUYỄN THỊ LY KHA

DÙNG TỪ
VIẾT CÂU
và **SOẠN THẢO**
VĂN BẢN

(Tái bản lần thứ sáu)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI TÁC GIẢ

Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản là tài liệu dành cho sinh viên, giáo viên và những người quan tâm đến việc sử dụng tiếng Việt; nhằm trang bị và hệ thống hoá những quy tắc sử dụng tiếng Việt, góp phần nâng cao hiệu quả biểu đạt.

Tài liệu *Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản* hệ thống hoá các *quy tắc chính tả* (quy tắc viết các âm, ghi dấu thanh, viết hoa, viết tắt, phiên âm, chuyển tự), trình bày một số *mẹo luật chính tả*, cách chữa các loại lỗi chính tả ; hệ thống hoá các yêu cầu sử dụng từ ngữ tiếng Việt, *cách thức lựa chọn và sử dụng các lớp từ ngữ tiếng Việt, biện pháp sửa chữa các loại lỗi dùng từ*. Đồng thời, trên cơ sở hệ thống hoá các đặc điểm của câu tiếng Việt, các *quy tắc viết câu, dùng dấu câu, tách câu, chuyển đổi câu,...* tài liệu giúp người học viết câu và sửa chữa các loại lỗi thông thường về câu. Những *quy tắc viết đoạn* như xây dựng các kiểu đoạn, liên kết câu, tách đoạn, chuyển đoạn được trình bày nhằm giúp người học nâng cao khả năng xây dựng các loại đoạn văn của các loại hình văn bản khác nhau phục vụ cho hoạt động giao tiếp... Đặc biệt, tài liệu còn cung cấp cho người học *phương pháp tiếp nhận văn bản khoa học, tóm tắt tài liệu khoa học, tổng thuật tài liệu khoa học, giới thiệu sách, xây dựng đề cương văn bản khoa học, trình bày các loại văn bản khoa học và văn bản hành chính thông dụng*.

Ngoài phần chính văn, để góp phần nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt và soạn thảo văn bản cho người học, tài liệu còn cung cấp : *Danh sách từ công cụ, Một số mẫu văn bản hành chính - công vụ, Bảng tra cứu chính tả,...*

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng, nhưng tài liệu chắc không tránh khỏi những sơ suất. Rất mong được quý độc giả góp ý để cuốn sách được hoàn chỉnh ở những lần tái bản sau.

NGUYỄN THỊ LY KHA

QUY ƯỚC TRÌNH BÀY

1. Tài liệu trích dẫn được đặt trong dấu ngoặc đơn () và được ghi theo thứ tự : tên tác giả, năm công bố, số thứ tự trang trích dẫn. Thông tin đầy đủ về tài liệu trích dẫn được ghi trong mục *Tài liệu tham khảo*.
2. Ngoài một vài chữ viết tắt thông dụng như : x. (xin xem), vd (ví dụ), tài liệu còn viết tắt một vài từ ngữ được sử dụng nhiều lần (SGK : sách giáo khoa, SGV : sách giáo viên,...).
3. Phần tham khảo mở rộng, phần bài tập thực hành và các ví dụ được in với kiểu chữ và khổ chữ khác với phần nội dung chính.
4. Một vài kí hiệu :
 - Dấu / : hay, hoặc.
 - Kí hiệu → : tiếp đến.
 - Kí hiệu  : phần tham khảo, mở rộng.
5. Trong các ví dụ :
 - Dấu * dùng để đánh dấu những tổ hợp không chấp nhận được ; dấu ? hay ?? hay ??? dùng để đánh dấu những tổ hợp “không tự nhiên” hay “khó nghe” tùy theo mức độ ít hay nhiều.
 - Những từ ngữ trong ngoặc đơn là những từ ngữ có thể lược bỏ mà không làm cho câu thay đổi về phương diện “có thể” hay “không thể” được người bản ngữ chấp nhận. Những từ ngữ trong ngoặc vuông là từ có thể thay thế cho từ ngữ trước đó.

MỤC LỤC

Trang

Lời tác giả	3
Quy ước trình bày	4

I. CHÍNH TẢ, VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ

1. Giải yếu về chính tả	6
2. Quy tắc chính tả tiếng Việt	7
3. Chữa các lỗi thông thường về chính tả	16

II. SỬ DỤNG TỪ NGỮ

1. Yêu cầu của việc dùng từ	26
2. Một số thao tác dùng từ và rèn luyện về từ	28
3. Chữa các lỗi thông thường về dùng từ	35

III. VIẾT CÂU

1. Giải yếu về câu	43
2. Viết câu	48
3. Một số phép biến đổi câu trong văn bản	75
4. Chữa các lỗi thông thường về câu	85

IV. VIẾT ĐOẠN VĂN

1. Giải yếu về đoạn văn	91
2. Viết các loại đoạn văn	95
3. Liên kết trong đoạn văn	99
4. Tách đoạn, chuyển đoạn và liên kết đoạn	105

V. SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Giải yếu về văn bản	111
2. Tiếp nhận văn bản khoa học	124
3. Lập đề cương nghiên cứu	144
4. Trình bày văn bản khoa học	145
5. Trình bày văn bản hành chính - công vụ	156

PHỤ LỤC

1. Danh sách từ công cụ	175
2. Một số mẫu văn bản hành chính thông dụng	184
3. Bảng tra cứu chính tả	190
4. Quy định tạm thời về viết hoa tên riêng trong sách giáo khoa	200
TÀI LIỆU THAM KHẢO	203

I. CHÍNH TẢ, VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ

1. GIẢN YẾU VỀ CHÍNH TẢ

Chính tả là hệ thống chữ viết được xem là chuẩn mực của một ngôn ngữ. Chữ viết tiếng Việt hiện đại (chữ quốc ngữ) thuộc loại hình chữ viết ghi âm âm vị (mỗi âm vị được ghi bằng một chữ cái) trên cơ sở sử dụng hệ thống chữ cái Latin kèm thêm một số dấu phụ (các dấu ghi các thanh huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng và các dấu trong các chữ *ă, â, ô, ư, ê, ơ, đ*). *Chữ cái (kí tự, con chữ)* là khái niệm dùng để chỉ một kí hiệu đồ hình được sử dụng để cố định hoá một âm vị, ví dụ (vd) : *t, a, n* là 3 chữ cái biểu thị 3 âm (t, a, n). Tuy nhiên, đó là nguyên tắc, còn thực tế, có những trường hợp một âm có thể được biểu thị bằng nhiều chữ cái. Vd : âm /t/ được biểu thị bằng 2 chữ cái là “t” và “h”.

Bảng chữ cái tiếng Việt hiện đại (các chữ cái, thứ tự và tên gọi) :

a (a) , ă (á), â (ớ), b (bê), c (xê), d (dê), đ (đê), e (e), ê (ê), g (giê/gờ), h (hát), i (i ngắn), k (ca), l (en-lờ), m (em-mờ), n (en-nờ), o (o), ô (ô), ơ (ơ), p (pê), q (quy), r (e-rờ), s (ét-xì), t (tê), u (u), ư (ư), v (vê), x (ích-xì), y (i dài).

Chữ quốc ngữ được xây dựng theo nguyên tắc ngữ âm học : mỗi âm do một kí hiệu biểu thị ; mỗi kí hiệu chỉ luôn luôn có một giá trị. Vd : âm /b/ (bờ) được biểu thị bằng chữ **b**, âm /m/ (mờ) được biểu thị bằng chữ **m**, chữ **b** chỉ dùng để biểu thị cho âm /b/ (*Bà Ba bán bánh bè*o), chữ **m** chỉ để biểu thị cho âm /m/ (*Mỗi mắt miên man mãi mị*t mề)u).

Chữ quốc ngữ được viết rời theo đơn vị âm tiết (mỗi âm tiết được ghi bằng một chữ) không viết rời theo đơn vị từ. Vd : viết *Nhân dân Việt Nam rất anh hùng*, mà không viết **Nhândân ViệtNam rất anhhùng*, viết *các anh* không viết **cácanh*, viết *ô mai* không viết **ômai*, v.v.

Nguyên tắc kết hợp chính tả tiếng Việt

Các chữ cái biểu thị các phần của âm tiết (âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối) được sắp xếp theo cấu trúc âm tiết.

Âm tiết tiếng Việt ở dạng đầy đủ nhất gồm năm thành tố :

Thanh điệu			
Phụ âm đầu	Vần		
	âm đệm	âm chính	âm cuối

Khi viết chính tả cũng theo trật tự : Phụ âm đầu → âm đệm → âm chính → âm cuối. Dấu ghi thanh được gắn với âm chính. Vd :

Âm tiết	Phụ âm đầu	âm đệm	âm chính	âm cuối
<i>ngoại</i>	<i>ng</i>	<i>o</i>	<i>ạ</i>	<i>i</i>
<i>nghĩa</i>	<i>ngh</i>	-	<i>ĩa</i>	-
<i>khuyến</i>	<i>kh</i>	<i>u</i>	<i>yế</i>	<i>n</i>
<i>Anh</i>	-	-	<i>á</i>	<i>nh</i>
<i>sáng</i>	<i>s</i>	-	<i>á</i>	<i>ng</i>

2. QUY TẮC CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

Ngoài những nguyên tắc chính tả như đã nêu trên, chính tả tiếng Việt có những quy tắc nhất định.

2.1. Viết các tiếng trong một dòng

Chữ viết tiếng Việt viết rời theo đơn vị âm tiết (tiếng) – mỗi âm tiết được viết thành một chữ. Chẳng hạn, câu *Tôi yêu Tổ quốc*, có 3 từ, 4 âm tiết, được viết thành 4 chữ rời : *Tôi yêu Tổ quốc*.

2.2. Quy tắc viết các âm

Về cơ bản, chữ viết tiếng Việt có sự tương ứng một đối một giữa âm và kí hiệu biểu thị. Những trường hợp không có sự tương ứng một đối một giữa âm và kí hiệu có nhiều nguyên do, trong đó có nguyên do thuộc về lịch sử hình thành chữ viết. Trong khuôn khổ giới hạn của tài liệu, giáo trình này chỉ dừng lại ở phạm vi nêu các âm và các kí hiệu tương ứng cho từng trường hợp.

2.2.1. Viết các âm đầu

Bảng âm và chữ cái ghi âm đầu

Âm	Chữ	Âm	Chữ	Âm	Chữ
/b/	b (<i>bà</i>)	/d/	đ (<i>di</i>)	/ʐ/	r (<i>rồi</i>)
/c/	ch (<i>chỉ</i>)	/χ/	kh (<i>khuyên</i>)	/s/	x (<i>xanh</i>)
/h/	h (<i>hành</i>)	/l/	l (<i>lấy</i>)	/ʂ/	s (<i>sống</i>)
/ɣ/	g, gh (<i>gà, ghi</i>)	/m/	m (<i>mẹ</i>)	/t/	t (<i>tường</i>)
/ŋ/	ng, ng (<i>ngũ, ngà</i>)	/n/	n (<i>nắng</i>)	/tʰ/	th (<i>thầy</i>)
/k/	k, q, c (<i>kí, quả, cả</i>)	/ɲ/	nh (<i>nhà</i>)	/tʰ/	tr (<i>trường</i>)
/z/	d, gi, g (<i>dì, giặt, gì</i>)	/f/	ph (<i>pha</i>)	/v/	v (<i>vui</i>)

Tiếng Việt có 21 âm vị âm đầu nhưng chỉ có 4 âm /ɣ, ŋ, k, z/ có 2 hoặc hơn 2 sự thể hiện trên chữ viết.

✚ **Âm /ɣ/** : Viết **gh** khi sau nó là **i, ê, iê, e** ; vd : *ghi, ghé, ghé, ghiếc (góm ghiếc)*. Viết **g** trong các trường hợp còn lại ; vd : *gà, gọn, gông, gượng, gằm, góm ghiếc, gằm, guồng*.

» **Âm /ŋ/** : Viết **ngh** khi sau nó là **i, ia, iê, ê, e** : *ngĩ, nghĩa, nghiệm, nghe, nghe*. Viết **ng** trong những trường hợp còn lại. Vd : *ngọc, ngà, người, ngành, nguồn, ngằm, ngắn*.

□ **Âm /k/** : Viết **k** khi sau nó là **i, ia, iê, ê, e** ; vd : *kí, kì, kiến, kể, kể*. Ngoại lệ : từ phiên âm. Vd : *vải ka ki, phân ka li*. Viết **q** khi sau nó là âm đệm /-u-/. Vd : *quả, quyết, quẻ, quê*. Viết **c** trong những trường hợp còn lại. Vd : *cà, còn, cầm, căng, cười*.

☰ **Âm /z/** viết **d, gi, g** theo nghĩa (không theo nguyên tắc ngữ âm học như /ɣ, ŋ, k/). Vd : *da dẻ, dành dụm, ẩn dật, dấu vết ; gia vị, giành giật, che giấu ; cái gì, chém giết, giữ gìn*.

2.2.2. Âm đệm /-u-/ : Viết **u** khi sau nó là **i, ya, yê, ê, ơ, â** hoặc khi nó đi sau /k/. Vd : *thủy, khuya, khuyen, huệ, thuở, tuân ; quả, quê, quẻ*. Viết **o** khi sau nó là **e, a, ă**. Vd : *loè xoè, loà xoà, loãn xoắn*.

2.2.3. Viết âm chính

Bảng âm và chữ cái ghi âm chính

Âm	Chữ	Âm	Chữ
/i/	y, i (suy nghĩ)	/u/	u (dúng, đủ)
/iɛ/	ia, ya, iê, yê (mía, khuya, điện, thuyền)	/uɛ/	ư (thư, chừng)
/uɔ/	ua, uô (mua, thuốc)	/ɤ/	ơ (mơ, ngổ)
/uɤɤ/	ưa, ươ (lửa, cười)	/ɤɤ/	â (cần, thật)
/ɛ/	a, e (nhành, sen)	/ɔ/	o (học xong)
/ă/	a, ă (sau, sẵn)	/o/	ô (thôn, tốt)
/ə/	ê (lề, mẽ)	/a/	a (làm, tháng)

Tiếng Việt có 14 nguyên âm và tổ hợp nguyên âm làm âm chính. Trong đó có 6 trường hợp có 2 hoặc hơn 2 sự thể hiện trên chữ viết (/i, iɐ, uɐ, uɤ, ɛ, ă/). Quy tắc viết 6 trường hợp đó như sau :

♣ **Âm /i/** : Viết **y** khi nó đứng sau âm đệm hoặc khi nó đứng một mình làm âm tiết (ngoại lệ : từ phiên âm và từ thuần Việt). Vd : *suy, y tá, ý nghĩ, y phục ; inốc, ẩm i, lợn i, i tờ*. Viết **i** trong các trường hợp còn lại. Vd : *trí tuệ, tin tưởng*. Khi /i/ xuất hiện trong các âm tiết mở của nhiều từ Hán Việt, thì thực tế hiện nay chấp nhận cả 2 hình thức viết **y** và **i**. Vd : *hy sinh/hi sinh, chiến sỹ/chiến sĩ, công ty/công ti*. (Tuy nhiên, cũng cần nói thêm : theo quy định của sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, chỉ chọn một hình thức “i” cho trường hợp vừa nêu). Mặt khác, cần lưu ý là khi /i/ xuất hiện trong các tên riêng, thì phải sử dụng hình thức chữ viết mà giấy tờ nhân thân đã sử dụng. Vd : *Nguyễn Thi, Thy Ngọc, Nguyễn Văn Linh, Lê Linh, Nguyễn Hùng Vĩ, Nguyễn Hùng Vỹ, Huỳnh Tịnh Của, Huỳnh Tấn Phát*.

» **Âm /iɐ/** : Viết **ia** khi không có âm đệm, không có âm cuối. Vd : *tía chia mía*. Viết **ya** khi có âm đệm, không có âm cuối. Vd : *khuya*. Viết **iê** khi không có âm đệm và có âm cuối. Vd : *hiền, biêng biếc*. Viết **yê** khi có âm đệm hoặc trước nó không có âm nào và sau có âm cuối. Vd : *khuyên, uyên, yên, yêu, yết*.

□ **Âm /uɐ/** : Viết **ua** khi không có âm cuối. Vd : *mua lúa*. Viết **uô** khi có âm cuối. Vd : *uống thuốc*.

☰ **Âm /uɤ/** : Viết **ư** khi không có âm cuối. Vd : *mưa lúa thưa*. Viết **ươ** khi có âm cuối. Vd : *vườn tược*.

✳ **Âm /ɛ/** : Viết **a** trong vần **anh, ach, oanh, oach**. Vd : *thành quách, khoan*. Viết **e** trong những trường hợp còn lại. Vd : *be bét*.

○ **Âm /ă/** : Viết **a** trong vần **au, ay**. Vd : *sau này*. Viết **ã** trong các trường hợp còn lại. Vd : *chắc chắn*.

2.2.4. Viết âm cuối

Bảng âm và chữ cái ghi âm cuối

Âm	Chữ	Âm	Chữ
/-i-/	y, i (may, mai)	/-m/	m (tìm, kiếm)
/-u-/	o, u (sao, sau)	/-n/	n (nặn, lần)
/-k/	ch, c (sách, học)	/-p/	p (hộp, lớp)
/-ŋ/	nh, ng (thênh thang)	/-t/	t (cất, thật)

Tiếng Việt có 8 âm cuối, trong đó có 4 trường hợp có 2 sự thể hiện trên chữ viết (/i, u, k, ŋ/). Quy tắc viết 4 trường hợp đó như sau :

♣ **Âm** /-i-/ : Viết **y** khi xuất hiện trong các vần **ay, ây**. Vd : say, say. Viết **i** trong những trường hợp còn lại. Vd : ai, oi, tươi...

» **Âm** /-u-/ : Viết **o** trong vần **ao, eo**. Vd : lèo tèo, lao xao. Viết **u** trong những trường hợp còn lại. Vd : sấu, sếu, cừu, khuỷu, bươm.

□ **Âm** /-k/ : Viết **ch** khi đi sau /i, e, ɛ/. Vd : lịch chích, lếch thếch, lách chách. Ngoại lệ : từ phiên âm, Vd : chó béc giê, séc chuyển tiền. Viết **c** trong những trường hợp còn lại. Vd : các, cúc, bức, bước, biếc.

☷ **Âm** /-ŋ/ : Viết **nh** khi đi sau /i, e, ɛ/. Vd : bình minh, lênh khênh, lanh chanh. Ngoại lệ : keng, reng reng, xà beng. Viết **ng** trong những trường hợp còn lại. Vd : ngượng ngùng, thiêng liêng, thường luông, lảng vảng.

Trên đây là những quy tắc chung nhất. Trong thực tế có những trường hợp chấp nhận hai hoặc hơn hai hình thức chính tả. Vd : đông tố, giông tố ; sếu giang, sếu dang ; sum suê, sum sê, xum xuê, xum xê⁽¹⁾,...

2.3. Quy tắc ghi dấu thanh

Tiếng Việt là một ngôn ngữ có thanh điệu. Âm tiết nào của tiếng Việt cũng mang thanh điệu. Tiếng Việt có 6 thanh : ngang (thanh

(1) Đối với sách giáo khoa phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo có bảng quy ước về chính tả đối với những từ có hai cách viết. Vd : chọn *xum xê* mà không chọn *sum suê/sum sê*.

không), huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng và có 5 dấu ghi thanh (dấu huyền, dấu ngã, dấu hỏi, dấu sắc, dấu nặng). Vd : *la, là, lã, lả, lá, lạ*. Dấu ghi thanh trong tiếng Việt luôn luôn gắn với âm chính. Vd : *loài, ngoại, thấy, mãi*. Trong những âm tiết có âm chính là nguyên âm đôi thì dấu ghi thanh gắn với yếu tố thứ nhất của nguyên âm đôi (ia, ua, ưa), nếu âm tiết không có âm cuối. Vd : *kìa, lúa, lựa, cửa, cựa* ; dấu ghi thanh gắn với yếu tố thứ hai của nguyên âm đôi (iê, yê, uô, ươ), nếu âm tiết có âm cuối. Vd : *kiến, kiện, thuyền, nguyện, luồng, cuộng, sườn, sượng*.

2.4. Quy tắc viết hoa

Chữ viết hoa trong tiếng Việt có chức năng đánh dấu sự bắt đầu một câu, ghi tên riêng (nhân danh, địa danh, cơ quan, tác phẩm), biểu thị sự tôn kính. Chức năng đầu được thực hiện nhất quán. Riêng chức năng thứ hai còn nhiều điểm chưa nhất quán trong sử dụng.

2.4.1. Chữ đầu câu, đầu dòng thơ và mở đầu các dòng trong một phép liệt kê thì phải viết hoa⁽¹⁾. Vd :

a) *Quả nhiên, hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi, nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa.* (Nguyễn Kiên, *Có một chú chim sâu*, trong *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám*. NXB Giáo dục, 1999)

b) *Đây con sông như dòng sữa mẹ
Nước về xanh ruộng lúa vườn cây*

(1) Theo thông lệ, chữ cái mở đầu các dòng thơ và mở đầu các dòng trong một phép liệt kê đều được viết hoa. Tuy vậy, nhiều nhà thơ hiện nay không viết hoa tất cả các chữ cái đầu dòng thơ, nhất là khi một dòng thơ phải nối với những dòng trước mới thành một câu trọn vẹn. Ví dụ :

*Cây bàng mùa đông
cởi trần giữa gió
còn manh lá đỏ
gió cũng giật luôn
em thương cây đứng
một mình
rét run.*

(Nguyễn Trọng Tạo, *Cây bàng*)

Bên cạnh lí do đã nêu, cách trình bày trong khổ thơ trên có thể còn xuất phát từ dụng ý tạo hình.

Và ấm áp như lòng người mẹ
Chở tình thương trang trải đêm ngày.

(Hoài Vũ, *Vàm Cỏ Đông*)

c) Từ điển tần số [...] định tỉ lệ các thể loại như sau :

- Truyện ngắn và tiểu thuyết : 41,7% ;
- Kịch bản : 14,7% ;
- Báo chí : 12, 9% ;
- Lịch sử, tiểu sử và tác phẩm về các nền văn minh : 19,6% ;

(Nguyễn Đức Dân - Đặng Thái Minh, *Ngôn ngữ học thống kê – Một số ứng dụng*. NXB Giáo dục, 1999)

2.4.2. Tên người, tên địa lí⁽¹⁾

★ *Tên người Việt, địa danh Việt* viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết. Vd :

– Tên người : Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Thị Minh Khai, Phạm Ngọc Thạch, Trịnh Công Sơn, Phan Thanh Vân.

– Tên địa lí : sông Thái Bình, thác Bản Giốc, dãy Trường Sơn, núi Ngũ Hành Sơn, tỉnh Cà Mau, làng Thượng Thọ, xã Thanh Trường, xã Hàm Thuận Bắc, phường Hiệp Bình Chánh...

Những từ chỉ phương hướng (*đông, tây, nam, bắc*) khi được dùng trong tổ hợp chỉ tên riêng thì phải viết hoa. Vd : biển Đông, miền Tây Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ, các nước phương Tây. Những trường hợp vốn là danh từ chung nhưng được dùng trong tổ hợp chỉ tên địa lí thì phải viết hoa như đối với những tên địa lí khác. Vd, so sánh : dòng sông *Hình* với thị trấn Sông *Hình*, trận đánh đã xảy ra tại cầu Giấy với quận Cầu *Giấy*, thôn Chợ *Bờ*, núi Bà *Đen*, sông Ông *Đốc*, chợ Bà *Chiều*...

★ *Tên người, tên địa lí các dân tộc ít người Việt Nam thuộc ngôn ngữ đơn tiết tính* thì viết hoa như đối với tên người Việt. Vd :

- Tên người : Nông Văn *Dền*, Lò Ngân *Sủn*, Vàng Thị *Mỷ*.
- Tên dân tộc : Tày, Nùng, Sán *Điù*, Lô *Lô*, Pà *Thẻn*, Cao *Lan*.
- Tên địa lí : Mường *Thanh*, Hồng *Cúm*, Him *Lam*, Tà *Pình*.

★ *Tên người, tên địa lí các dân tộc ít người Việt Nam thuộc ngôn*

(1) Những trường hợp chỉ vật đơn nhất như : mặt trời, mặt trăng, trái đất... trong tiếng Việt không viết hoa.

ngữ đa tiết tính viết hoa chữ đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng, (có thể dùng dấu gạch nối ngăn giữa các tiếng trong một bộ phận, dấu gạch nối được viết liền vào hai chữ cái trước và sau nó). Vd :

- Tên người : *Đăm San, Kơ-pa Kơ-lơng, Nơ-trang-lơng*
- Tên dân tộc : *Ê-đê, Ba-na, Tà-ôi, Stiêng, Kơ-ho.*
- Tên địa lí : *Pren, Lang Biang, Krông Ana, Đắc Sút, Kon Tum.*

★ *Tên người, địa danh nước ngoài*, nếu chữ viết nguyên ngữ dùng chữ Latin thì giữ đúng nguyên hình chữ viết trong nguyên ngữ, viết hoa chữ cái đầu tiên của từ làm họ, tên ; viết hoa chữ cái đầu tiên của tên riêng (địa danh) ; dấu phụ ở một vài chữ cái có thể lược bỏ. Vd : *Napoléon, Bill Clinton, Paris, London, Chicago, American,...*

Nếu tên riêng đó được phiên qua âm Hán Việt thì viết hoa như đối với tên riêng Việt. Vd : *Pháp, Hoa Kỳ, Luân Đôn, Nã Phá Luân,...*

Nếu chữ viết nguyên ngữ dùng hệ thống chữ cái khác chữ cái Latin thì dùng lối chuyển tự sang chữ Latin và viết hoa như đối với tên riêng chữ Latin : *Lomonoxov, Moskva, Shanghai, Beijing, Himalaya...*

(Có thể dùng dấu gạch nối giữa các tiếng trong một bộ phận của tên riêng. Vd : *An-be Anh-xtanh, Na-pô-lê-ông, Tur-key, Mát-xcơ-va, Beijing, Shang-hai, Niu-yooc, Bru-nây, Đông Ti-mo...*)

Nếu tên riêng đó được phiên âm theo âm Hán Việt thì viết hoa như đối với tên người Việt. Vd : tên người *Thành Cát Tư Hãn, Bá Đa Lộc, Nã Phá Luân, Đặng Tiểu Bình,...*; tên địa lí : *Thổ Nhĩ Kỳ, Tiệp Khắc, Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh, Thượng Hải, Nữu Ước, Luân Đôn, Hi Mã Lạp Sơn...*

Lưu ý :

– Một số tên riêng, nhất là tên đất, tên nhân vật lịch sử đã quen dùng từ lâu thì thường giữ nguyên cách gọi cũ. Chẳng hạn, thường dùng : *Pháp, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Lan, Mi (Hoa Kỳ), Úc ; Bắc Kinh, Thượng Hải ; Tân Thủy Hoàng, Đặng Tiểu Bình, ...* thay cho *France, Germany, Turkey, Poland, United States of America, Australia ; Beijing, Shanghai, Xin Shuihoang, Deng Xiaoping, ...*

– Tên núi, sông,... không thuộc riêng một nước nào và tên tổ chức quốc tế (kể cả tên viết tắt) thì viết theo dạng chữ thống nhất và phổ biến trên thế giới. Vd : *dãy núi Himalaya, sông Mixixipi, sông Nin, sông Mekong ; WTO (Tổ chức Thương mại thế giới), UNESCO (Tổ chức Văn hoá - giáo dục Liên hiệp quốc), FAO (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc), ASEAN (tổ chức*

của các nước Đông Nam Á), ASEM (các bộ trưởng kinh tế ASEAN). Nếu tên riêng có ý nghĩa và thường được dịch nghĩa thì viết theo lối dịch nghĩa. Vd : biển Đen (Hắc Hải), Liên hiệp quốc, Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc, Liên minh châu Âu, Ngân hàng Thế giới, Liên đoàn Bóng đá châu Âu...

– Những trường hợp đã mất tính chất tên riêng trở thành tên chung chỉ chủng loại thì không viết hoa. Chẳng hạn, so sánh :

(1) Tên riêng	(2) Tên chung chỉ chủng loại
vua Xiêm	vịt xiêm, dứa xiêm, mèo xiêm, chuối xiêm
châu Phi	cá trê phi, cá rô phi
người Tàu	mực tàu, gà tàu, miến tàu, bún tàu
giặc Tây	khoai tây, gà tây, măng tây

2.4.3. Tên tác phẩm

Tên truyện, bài thơ, bài văn, bài hát, bản nhạc, bức tranh, cuốn sách... khi dẫn ra trong câu văn viết, được viết hoa chữ cái đầu tiên. Vd : *Chiến tranh và hoà bình*, *Những người khốn khổ*, *Tiến quân ca*, *Huyền thoại Mẹ*, *Mùa thu vàng*, *Đám cưới chuột*, *Triết học Mác - Lênin*.

2.4.4. Tên cơ quan, tổ chức

Theo nội dung Quyết định 240/QĐ ngày 05 tháng 3 năm 1984 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tên cơ quan, tổ chức được viết hoa chữ cái đầu tiên. Vd : *Bộ giáo dục và đào tạo*, *Ban chấp hành trung ương đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh*, *Trường đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, *Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai*, *Viện kiểm sát quân sự*.

Thực tế hiện nay, trên các văn bản hiện hành (và theo quy định tạm thời về viết hoa tên riêng trong sách giáo khoa, ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì tên cơ quan, tổ chức được viết hoa chữ cái đầu của từ ngữ biểu thị tính chất riêng biệt của tên. Chẳng hạn : *Bộ Giáo dục và Đào tạo*, *Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*, *Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, *Hội Cựu chiến binh*, *Viện Kiểm sát Quân sự*,...

2.4.5. Tên huân chương, danh hiệu, giải thưởng viết hoa chữ cái đầu của từ ngữ biểu thị tính chất riêng biệt của tên.

Vd : *Huân chương Sao vàng*, *Huân chương Quân công hạng Nhất*, *Huân chương Chiến sĩ vẻ vang* ; *Anh hùng Lao động*, *Anh hùng Lực lượng vũ trang*, *Nhà giáo Nhân dân* ; *Giải thưởng Hồ Chí Minh*, *giải Nhất*.

2.4.6. Tên ngày lễ, ngày kỉ niệm, phong trào viết hoa chữ cái

đầu của từ ngữ biểu thị tính chất riêng biệt của ngày lễ đó.

Vd : Ngày Quốc khánh, Ngày Thầy thuốc Việt Nam, Cách mạng tháng Tám, Cách mạng tháng Mười ; Xô viết Nghệ Tĩnh, Khởi nghĩa Nam Kỳ.

2.4.7. Tên chức danh, chức vụ. Những từ ngữ biểu thị chức danh, chức vụ (được xã hội xem là cao) thì thường được viết hoa chữ đầu tiên khi từ ngữ chỉ chức danh, chức vụ đó gắn với cá nhân cụ thể⁽¹⁾. Vd :

Giáo sư Nguyễn Văn Hiệu, Thủ tướng Phan Văn Khải, Tổng Giám đốc Công ti Dầu khí Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, để biểu thị sự kính trọng, có thể viết hoa từ ngữ chỉ người hoặc đối tượng được tôn kính đặc biệt. Vd :

Mình về với **Bác** đường xuôi,
Thưa giùm Việt Bắc khôn nguôi nhớ **Người**.
Nhớ **Ông Cụ** mắt sáng ngời,
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường.

(Tố Hữu, Việt Bắc)

*Thế là tôi đã về nơi tận cùng đất Mũi, nghe mùi bùn thoang thoảng sóng biển Đông, nghe gió xiết vào từng thân dừa nhỏ, nghe mắt nhìn xước nổi xót nông sâu. Thấm vị mặn những người di mở đất, tôi hiểu thêm một phía **Tổ quốc** mình.* (Văn Công Hùng)

2.5. Quy tắc viết tắt

Chữ viết tắt thường được dùng trong văn bản hành chính, văn bản khoa học. Trong văn bản hành chính, các cụm từ ngữ gọi tên cơ quan, tổ chức (*nhà xuất bản, uỷ ban nhân dân, đại học bách khoa*), thể loại văn bản (*thông tư, chỉ thị, nghị quyết, quyết định, công văn*) ; trong văn bản khoa học, các cụm từ ngữ gọi tên các khái niệm, đối tượng khoa học, thường được viết tắt, nếu từ ngữ đó xuất hiện nhiều lần trong văn bản. Chữ viết tắt thay thế cho từ ngữ gốc gồm tất cả chữ cái đầu của từ ngữ gốc, được viết in hoa và viết liền thành một khối. Vd : *Đại học Bách*

(1) Các quy tắc viết hoa tên huân chương, danh hiệu, giải thưởng, chức danh,... trong giáo trình này, được trình bày theo quy định chính tả của sách giáo khoa hiện hành.

khoa → ĐHBK, Công ty Xuất nhập khẩu → Công ty XNK, quyết định → QĐ ;
danh từ → DT, chủ ngữ → CN, trạng ngữ → TN, v.v..

2.6. Quy tắc viết ngày, tháng, năm

Khi viết ngày tháng năm trong văn bản hành chính thì phải viết đầy đủ : ngày từ 1 đến 9, tháng 1 và tháng 2, phải thêm số “0” vào trước. Khi ghi ngày, tháng năm ban hành văn bản, phải ghi rõ các chữ *ngày, tháng, năm* ; không viết tắt bằng dấu gạch nối hoặc gạch xiên. Vd : Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2007 (xin xem thêm mục 5.2.2. *Trình bày các thành phần thể thức văn bản, tr.159*).

Những trường hợp còn lại, có thể viết tắt các chữ *ngày, tháng, năm* bằng dấu gạch nối hoặc dấu gạch xiên. Vd : ngày 02-3-2007, hay ngày 02/3/2007.

2.7. Quy tắc phiên âm và chuyển tự

Bất cứ một ngôn ngữ nào cũng có sự tiếp xúc, vay mượn từ ngữ của ngôn ngữ khác. Trong sự vay mượn đó, có hiện tượng chuyển từ hình thức âm thanh của ngôn ngữ này sang hình thức âm thanh của ngôn ngữ khác (phiên âm) và hiện tượng chuyển từ hình thức chữ viết của ngôn ngữ này sang hình thức chữ viết của ngôn ngữ khác (chuyển tự). Trong các tạp chí chuyên môn, các tiểu luận, luận văn, luận án (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo), các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ thường được viết nguyên dạng.

Khi viết các thuật ngữ tiếng nước ngoài (trừ những trường hợp phiên âm Hán Việt, như *chủ ngữ, vị ngữ ; hình học, lượng giác,...*) :

– Được sử dụng tổ hợp chữ cái dùng ghi các phụ âm đầu và tổ hợp phụ âm đầu âm tiết (p, z, w, bl, cr, str,...) và những phụ âm cuối (b, d, f, g, j, l, r, s, v, z,...) vốn không đặc trưng cho âm tiết tiếng Việt, *acid, sulfur, laser, parabol, hydro,...*

– Tôn trọng những mối quan hệ có tính hệ thống giữa các thuật ngữ : *flur, fluorur*.

– Có thể chấp nhận các điều chỉnh rút gọn như *met, gram, kilô...*

– Tận dụng khả năng dùng thuật ngữ có cấu tạo bằng chất liệu và quy tắc tiếng Việt theo lối dịch nghĩa. Vd : tương ứng với *anti*,

dùng chống trong chống nhiễm khuẩn, chống ẩm, và có thể dùng phản trong phản khoa học, phản ứng ô xi hoá khử ; phòng trong phòng không,...

– Sử dụng cách viết phiên âm trong các sách, báo phổ cập : khi phiên âm, các âm tiết được viết rời, giữa các âm tiết trong một bộ phận có gạch nối hoặc viết liền, không ghi dấu thanh. Vd : *Mat-xcơ-va, Na-pô-lê-ông Bô-na-pac, Vla-di-mia I-lich Lê-nin, a-xit, hy-đrô,...*

3. Chữa các lỗi thông thường về chính tả

Lỗi chính tả tiếng Việt có thể quy về hai nhóm : lỗi do không nắm quy tắc và lỗi do phát âm không phân biệt dẫn đến viết sai chính tả.

3.1. Lỗi do không nắm quy tắc chính tả

So với nhiều ngôn ngữ sử dụng loại hình chính tả ghi âm âm vị, quy tắc chính tả tiếng Việt không phải là hệ thống quy tắc phức tạp. Nhưng thực tế có không ít trường hợp phạm lỗi do người viết không nắm đặc điểm và nguyên tắc kết hợp chữ cái trong chữ viết tiếng Việt, quy tắc ghi dấu thanh. Vd : **ngành nghề, *kẻ kả, *ciên kuyết, *kách mạng, *iêu thương, v.v..*

Thuộc nhóm viết sai do không nắm quy tắc còn phải kể đến hai trường hợp : 1) Viết hoa sai ; 2) Phiên âm sai, vd : xã **Tân thuận tây, phường *Hiệp bình chánh, *Trần bình Trọng, *Nguyễn thị Hà, *hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Bình dương, *Mátxơcơva, *Ông Lê Nin ở nước Nga,...*

Việc sửa chữa và cách tránh loại lỗi này không khó : người học chỉ cần ghi nhớ và tuân thủ nguyên tắc, quy tắc chính tả.

3.2. Lỗi do không nắm được sự tương ứng giữa chữ và nghĩa

Trong tiếng Việt, loại lỗi do không nắm được sự tương ứng giữa chữ viết và nghĩa của từ mà nó biểu thị chỉ gặp ở trường hợp viết các chữ có âm đầu là /z-/. Vd : **dành dật (giành giật), *dàn bí (giàn bí), *giành giùm (dành dùm), *giằng giặc (dằng dặc), *che dấu (che giấu), *giấu vết (dấu vết),...*

Có thể khắc phục lỗi nhầm lẫn **d** và **gi** bằng cách :

– Dùng mẹo “*duỡng dục, giảm giá*” ; cụ thể là trong từ Hán Việt nếu mang thanh ngã hoặc thanh nặng thì viết **d** ; nếu mang thanh

sắc hoặc thanh hỏi thì viết **gi**. Chẳng hạn : *diều hành, dã man, biểu diễn, dĩ vãng, dũng cảm, kì diệu, kì dị, dịch thuật, dạ lan ; giảng viên, kí giả, miễn giảm, tinh giản, giá trị, giám sát, can gián, giảng chức.*

– *Dùng mọo âm đệm* : **gi** không đứng trước âm đệm. Vì vậy, nếu có âm đệm thì viết **d**. Vd : *duyên, duy, duềnh,...*

– *Mọo dùng từ đồng nghĩa* : nếu một trong hai hình thức đó viết bằng **tr** thì viết **gi**, *giăng, giàu, giai, giống, gio, giải, gianh,...*

3.3. Lỗi do phát âm không phân biệt

Do loại hình chính tả ghi âm, nên ảnh hưởng của biến thể phương ngữ trên bình diện ngữ âm là một nguyên do quan trọng dẫn đến hiện tượng sai chính tả. Có thể quy loại lỗi này về các nhóm sau :

3.3.1. Viết sai dấu thanh thường gặp ở phương ngữ Trung Bộ và phương ngữ Nam Bộ. Vùng Nghệ - Tĩnh, Quảng Bình thường không phân biệt các thanh *ngã, nặng, sắc* nên khi viết chính tả cũng thường phạm loại lỗi về những thanh này. Nhìn chung, trên phạm vi cả nước, thường gặp nhiều nhất là hiện tượng không phân biệt thanh *hỏi, ngã*.

Do đặc điểm về sự phân bố của thanh điệu trong cấu tạo từ tiếng Việt, nên ta có thể sử dụng điều này để khắc phục trường hợp lẫn lộn dấu *hỏi* và dấu *ngã*. Đó là các mọo :

Một, là trong các từ láy tiếng Việt, nếu một trong 2 tiếng mang thanh *huyền* hoặc thanh *nặng* thì tiếng còn lại mang thanh *ngã* ; nếu một trong hai tiếng mang thanh *không* (thanh ngang) hoặc thanh *sắc* thì tiếng còn lại mang thanh *hỏi* (Mọo : *Chị **Huyền** mang **nặng** **ngã** **đau** / Anh **không** **sắc** thuốc **hỏi** **đau** mà lành*). Vd :

- (1) *âm ĩ, râu rĩ, vồn vã, nhậu nhĩ, vật vã, đẹp đẽ, chặt chẽ, mạnh mẽ.*
- (2) *âm ĩ, rên rĩ, ti tỉ, don đả, lãnh lối, vất vả, hớt hải, khoẻ khoắn.*

Hai, là trong các từ Hán Việt, nếu bắt đầu bằng **m, n, nh, v, l, d, ng** thì viết dấu *ngã* (Mọo : *Mình nên nhớ viết liền là dấu **ngã***). Vd :

- (1) *mãnh liệt, mật mã, mĩ cảm, miễn giảm, mẫn khai, phụ mẫu.*
- (2) *nữ nhi, noãn sào, trí não, truy nã.*
- (3) *nhân hiệu, thanh nhã, tham nhũng, nhiều nhường, kiên nhẫn.*
- (4) *vĩ đại, vãn hồi, vãng lai, viễn thị, vĩnh viễn, vũ trang.*
- (5) *lãnh đạo, lẫm liệt, lũng đoạn, dương liễu, lịch lãm, lân công.*
- (6) *dũng cảm, dĩ vãng, diều hành, diễm lệ, dã man, dưỡng lão.*

(7) ngôn ngữ, bản ngã, quân ngũ, ngẫu nhiên, ngã ngũ, ngưỡng mộ.

Ba, là nếu từ cùng gốc với từ ta nghi ngờ, mang thanh huyền hoặc thanh nặng thì từ đó mang thanh ngã. Nếu từ cùng gốc với nó mang thanh ngang hoặc thanh sắc thì nó mang thanh hỏi (mẹo “lời lái lợi, tán tản tan”). Vd :

(1) cùng - cũng, dầu - dẫu, mồm - mồm ; cội - cỗi, đậu - đỗ, tự - chữ, mẹo - mào,...

(2) tán - tản, rải - rưới, phế - phổi, báo - bảo, chưa - chữa,...

3.3.2. Viết sai chữ ghi các âm

★ *Viết sai phụ âm đầu* thường gặp ở phương ngữ Bắc Bộ

- Viết sai do phát âm không phân biệt l - n. Có thể sử dụng mẹo về âm đệm, láy âm, từ đồng nghĩa.

+ Trong các tiếng có âm đệm, thường viết **l**, loang loáng, luân chuyển, luyện tập,... Rất hiếm trường hợp **n** đứng trước âm đệm, chỉ có thể kể : noãn sào, thê noa, nuy.

+ Trong từ láy phụ âm đầu, nếu biết một trong hai âm thì suy ra âm còn lại, lo ↔ lẳng, long ↔ lanh, lúng ↔ liếng, lấp ↔ ló, lạng ↔ lẽ, lạnh ↔ lũng, nô ↔ nức, nông ↔ nàn, nặng ↔ nề, náo ↔ nước, ...

+ Trong từ láy vần, **n** không xuất hiện ở âm tiết thứ nhất, lò dò, lẫn tẩn, lai rai, lỏn vởn,...

+ Những từ có từ đồng nghĩa bắt đầu là nh → viết bằng l, lài (nhài), lờ (nhỡ), lổ lằng (nhớ nhãng) ; những từ gần nghĩa bắt đầu bằng đ, c, k → viết bằng n, này, nấy, nó (đây, đó, đâu, đấy), ...

+ Những từ chỉ hoạt động ẩn náu, chỉ phương hướng thường viết bằng n, náu, nấp, né, nam, nôm, v.v..

- *Viết sai do không phân biệt tr - ch*. Có thể sử dụng các mẹo sau :

+ Mẹo thanh điệu trong từ Hán Việt (mẹo **trường trị**) : nếu từ Hán Việt mang thanh huyền hoặc thanh nặng thì viết **tr**. Vd : trù bị, tiểu trừ, thanh trà, từ trường, trịnh trọng, trượng phu, thực trạng,...

+ Mẹo âm đệm : **tr** hiếm khi kết hợp với âm đệm (trừ truyền, truyện), **ch** thì không hạn chế, choa, chuyển, choé, chuẩn, ...

+ Mẹo từ láy : nếu láy phụ âm đầu thường là **ch**, nếu là **tr** thì thường có nghĩa trơ : trơ trọi, trống trải, trần trụi,... hoặc có nghĩa chậm trễ : trễ tràng, trì trệ, trừ trừ, trúc trắc, ... Láy vần, thường là **ch**, chói